

A) Fill in the blanks with the words in the box.

zǒng shì	cháng cháng	yì bān	měi tiān
总是	常常	一般	每天

1) 妈妈 (always) 去超市买水果。

2) 姐姐 (every day) 都七点半上学。

3) 弟弟 (often) 去公园玩。

4) 我 (normally) 去便利店买糖。

B. Drag the words to the corresponding pictures.

hàn bǎo bāo 汉堡包	xiāngcháng 香肠	hún tún 馄饨
chǎo fàn 炒饭	zòng zǐ 粽子	yì dà lì miàn 意大利面



5.



6.



7.



8.



9.



10.